

Bản án số: 79/2021/DS - PT.
Ngày 24 tháng 12 năm 2021.
V/v: “*Kiên đòi bồi thường
thiệt hại tổn thất về tinh thần*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt T;

Ông Nguyễn H Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P: Ông Nguyễn Quỳnh Nam -
Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/9/2021 và ngày 24/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P T Hnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “*Kiên đòi bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐXXPT - DS ngày 04 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà **Mai Thị M** - sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã P, tỉnh P.

2. Bà **Ngô Thị C** - sinh năm 1942.

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã P, tỉnh P.

3. Bà **Hoàng Thị T** - sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã P, tỉnh P.

4. Bà **Vi Thị L** - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 12, xã Đông T, huyện T, tỉnh P.

5. Bà **Ngô Thị Kim O** - sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn Đông Ao, xã Hùng Long, huyện Đoàn Hùng, tỉnh P.

6. Ông **Bạch T N** - sinh năm 1947.
Địa chỉ: Khu 15, xã P, thị xã P, tỉnh P.
7. Bà **Đặng Thị M** - sinh năm 1956.
Địa chỉ: Khu 11, xã Võ Lao, huyện T, tỉnh P.
8. Bà **Vũ Thị Bình M** - sinh năm 1959.
Địa chỉ: Khu 11, xã Võ Lao, huyện T, tỉnh P.
9. Bà **Phí Thị S** - sinh năm 1959.
Địa chỉ: Khu 11, xã Võ Lao, huyện T, tỉnh P.
10. Bà **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1954.
Địa chỉ: Khu 7, xã Sơn Vi, huyện L, tỉnh P.
11. Bà **H Thị H** - sinh năm 1951.
Địa chỉ: Khu 5, xã An Đạo, huyện P, tỉnh P.
12. Bà **Bùi Thị D** - sinh năm 1958.
Địa chỉ: Khu 16, xã Sơn Vi, huyện L, tỉnh P.
13. Bà **Mai Thị T** - sinh năm 1960.
Địa chỉ: Khu 3, xã Đồng Xuân, huyện T, tỉnh P.
Người được bà T ủy quyền: ông Phan Văn Bình.
14. Bà **H Thị M** - sinh năm 1960.
Địa chỉ: Khu 2, xóm Chùa, xã Đồng Lương, huyện C, tỉnh P.
15. Ông **Nguyễn Xuân M** - sinh năm 1951.
Địa chỉ: Khu 5, phường Trường Thịnh, thị xã P, tỉnh P.
16. Ông **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1938.
Địa chỉ: Thôn 3, CHng Sơn, huyện T, T phố H.
17. Ông **Nguyễn Đình T** - sinh năm 1959.
Địa chỉ: Khu 10, xã Tiên Phú, huyện P, tỉnh P.
18. Anh **Nguyễn Long K**, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 13, phố Phú An, phường P, thị xã P, T. P.
Người được anh K ủy quyền là Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1950.
Địa chỉ: Tổ 13, phố Phú An, phường P, thị xã P, T. P.
19. Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1958
Địa chỉ: Khu 7, phường Thanh V, thị xã P, tỉnh P.
Người được bà V ủy quyền là ông **Nguyễn Xuân T** - sinh năm 1952.
Địa chỉ: Khu 12, xã Yên Khê, huyện T, tỉnh P.

20. Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Xã Khải Xuân, huyện T, tỉnh P.

Người được bà T ủy quyền là bà **Bùi Thị H** - sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu 7, xã Hiền Quan, huyện T, tỉnh P.

21. Ông **Trương Văn T** - sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu 2, thôn Bắc Sơn, xã Văn Lg, huyện Hạ H, tỉnh P.

Người được ông T ủy quyền là ông **Hoàng Văn C** - sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã P, tỉnh P.

22. Ông **Nguyễn Văn G** - sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu 9, xã Tiên Du, huyện P, tỉnh P.

Người được ông G ủy quyền là bà **Vũ Thị L** - sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu 11, xã Võ Lao, huyện T, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền cho các đồng nguyên đơn: Ông Phạm Đức T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của các nguyên đơn: ông Tạ Văn Tú. Ông T và ông Tú đều là Luật sư Tộc Công ty Luật TNHH A - Đoàn luật sư T phố H. Địa chỉ: Tầng 2, số 42, ngõ 91, Trần Duy Hưng, phường Trung H, quận Cầu Giấy, T phố H

Bị đơn: Công ty TNHH MTV H- Tổng C- Bộ Q. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Bách – Giám đốc Công ty TNHH Một T viên H.

Địa chỉ: xã P, thị xã P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **H Trung T** - Chức vụ: Cán bộ phòng chính trị Công ty TNHH MTV H. Văn bản ủy quyền số 1535/GUQ-HC21 ngày 08/02/2020

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tổng C- Bộ Q.

Địa chỉ: Số 28A – Đ, quận B, T phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Lương K** - Chức vụ: Trợ lý Ban pháp chế - Bộ tổng tham mưu, Tổng CBộ Q. Văn bản ủy quyền số 5402/UQ-CNQP ngày 27/7/2020

Người kháng cáo: T bộ các nguyên đơn

(Bà M, bà C, bà M, ông H, ông T, bà H, bà L vắng mặt; còn lại các đương sự đều có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, H giải và tại phiên tòa các Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn luật sư ông Phạm Đức T trình bày:

Ngày 12/10/2013 tại Công ty TNHH MTV H- Tổng CQ (Sau đây gọi là Công ty 21) đã xảy ra vụ nổ làm 26 công nhân và người lao động tử nạn. Sau khi xảy ra vụ nổ, gia đình các nạn nhân đã được nhận tiền hỗ trợ từ Công ty 21 cụ thể như sau:

1. Gia đình nạn nhân **Đoàn Thị Hải Y** đã nhận các khoản:

Tiền phúng viếng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước số tiền là 141.000.000đ và tiền trợ cấp mai táng, 49 ngày là 23.500.000 đồng.

2. Gia đình nạn nhân **H Huy Đ** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 184.500.000 đồng

3. Gia đình nạn nhân **Trần Thị L H** đã nhận các khoản:

Tiền mai táng, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 143.000.000 đồng

4. Gia đình nạn nhân **H Thị H** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 143.000.000 đồng

5. Gia đình nạn nhân **Lê Tuấn P** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 171.000.000 đồng

6. Gia đình nạn nhân **Lưu Thanh T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, 49 ngày: 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 131.000.000 đồng

7. Gia đình nạn nhân **Bạch T L** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bạt, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 196.500.000 đồng.

9. Gia đình nạn nhân **H Anh T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bạt, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng; Tiền Công đoàn nH máy hỗ trợ 20.000.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 159.500.000 đồng

9. Gia đình nạn nhân **Vi Thái B** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng; Tiền Công đoàn nH máy hỗ trợ 20.000.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 177.500.000 đồng

10. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Thị Kim T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 134.000.000 đồng.

11. Gia đình nạn nhân **Cao H L** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 143.000.000 đồng.

12. Gia đình nạn nhân **Phan Thị N** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 186.000.000 đồng.

13. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Xuân Đ** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 80.000.000 đồng.

14. Gia đình nạn nhân **Triệu Duy N** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 173.000.000 đồng.

15. Gia đình nạn nhân **Nguyễn T T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 131.000.000 đồng

16. Gia đình nạn nhân **Trần Thị T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 170.000.000 đồng

17. Gia đình nạn nhân **Bùi Thị T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 170.000.000 đồng

18. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Thị T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 191.000.000 đồng.

19. Gia đình nạn nhân **Đoàn Thị Thanh M** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ,

phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 180.000.000 đồng

20. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Văn T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 143.000.000 đồng

21. Gia đình nạn nhân **Hoàng Việt T** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 131.000.000 đồng

22. Gia đình nạn nhân **Trương Hải H** đã nhận các khoản:

Tiền hỗ trợ mai táng, phong bật, thợ kèn, 49 ngày là 23.500.000 đồng và tiền hỗ trợ, phúng viếng của các tổ chức, cá nhân là 173.500.000 đồng.

Ngoài ra, gia đình các nạn nhân đã nhận được khoản tiền do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định của pháp luật, các gia đình không có thắc mắc gì.

Ngoài những khoản tiền trên, gia đình các nạn nhân chưa nhận được khoản tiền hỗ trợ, bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, đại diện cho các nạn nhân đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc Công ty 21 phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình các nạn nhân mỗi gia đình 100 tháng lương cơ bản theo mức lương quy định hiện hành.

Yêu cầu Công ty 21 phải bồi thường theo biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng CQ (Sau khi đã trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân đã được nhận).

Cụ thể gồm các khoản: Bồi thường hoặc trợ cấp: 18.243.000.000 đồng và chi phí khác (ma chay, thăm hỏi): 8.797.000.000 đồng.

Vì trong các khoản tiền gia đình các nạn nhân đã được nhận thì chủ yếu là các khoản tiền chi trả theo Luật BHXH, các khoản tiền do các tổ chức, cá nhân phúng viếng nạn nhân chứ thực chất không phải kinh phí của Công ty bồi thường cho các nạn nhân.

Yêu cầu Tòa án làm rõ nội dung khoản tiền của các tổ chức, cá nhân phúng viếng các nạn nhân là tiền hỗ trợ cho Công ty khắc phục vụ nổ hay là tiền hỗ trợ trực tiếp cho gia đình các nạn nhân.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết, H giải vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H Trung T trình bày:

Ngày 12/10/2013 xảy ra vụ nổ pháo hoa tại Công ty H làm 26 công nhân và người lao động tử nạn. Sau khi xảy ra vụ nổ, Công ty đã phối H với các cơ quan

liên quan làm thủ tục kê khai, bồi thường cho gia đình các nạn nhân các khoản mai táng phí, hỗ trợ sau vụ nổ, hỗ trợ cho con của các nạn nhân và giải quyết chế độ tai nạn lao động cho 26 gia đình các nạn nhân theo quy định. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Hỗ trợ mai táng	Hỗ trợ sau vụ nổ	Hỗ trợ các cháu	Chế độ tai nạn lao động	Tổng (đồng)
1	Đoàn Thị Hải Y	17.700.000	210.000.000	189.420.000 0	208.880.25 0	626.000.250
2	H Duy Đ	14.350.000	211.000.000	189.420.000 0	223.565.75 0	638.335.750
3	Trần T.L H	27.000.000	211.000.000	176.910.000 0	250.073.23 8	664.983.238
4	H Thị H	12.965.000	206.500.000	189.420.000 0	223.565.75 0	632.450.750
5	Lê Tuấn P	17.500.000	200.000.000	94.710.000	95.450.000	407.660.000
6	Lưu Thanh T	14.500.000	191.000.000	0	95.450.000	300.950.000
7	Bạch T L	12.000.000	193.000.000	0	74.917.670	279.917.670
8	H Anh T	12.000.000	186.000.000	0	75.105.144	273.105.144
9	Vi Thái B	18.545.000	204.000.000	189.420.000 0	223.100.00 0	635.065.000
10	Nguyễn T.Kim T	12.000.000	219.000.000	189.420.000 0	180.550.00 0	600.970.000
11	Cao H L	13.700.000	191.000.000	0	60.869.500	265.569.500
12	Phan Thị N	12.000.000	215.000.000	94.710.000	95.450.000	417.160.000
13	Nguyễn Xuân Đ	11.700.000	209.000.000	189.420.000 0	138.000.00 0	548.120.000
14	Triệu Duy N	11.500.000	203.000.000	189.420.000 0	223.100.00 0	627.020.000
15	Nguyễn T T	12.390.000	200.000.000	94.710.000	138.000.00 0	445.100.000
16	Trần Thị T	10.700.000	201.000.000	0	95.450.000	307.150.000
17	Bùi Thị T	4.100.000	200.000.000	94.710.000	138.000.00	436.810.000

					0	
18	Nguyễn Thị T	7.500.000	191.000.000	0	93.645.039	292.145.039
19	Đoàn Thị Thanh M	13.910.000	200.000.000	94.710.000	138.000.00 0	446.620.000
20	Nguyễn Văn T	14.300.000	215.000.000	94.710.000	95.450.000	419.460.000
21	Hoàng Việt T	8.300.000	209.000.000	189.420.00 0	180.550.00 0	587.270.000
22	Trương Hải H	8.850.000	200.000.000	189.420.00 0	223.565.75 0	621.835.750
23	H M N	41.990.000	204.000.000	189.420.00 0	471.403.70 0	906.813.700
24	Chu Thị T H	12.000.000	194.000.000	189.420.00 0	180.550.00 0	575.970.000
25	Nguyễn Thị V	13.550.000	197.500.000	107.670.00 0	138.000.00 0	456.720.000
26	Ngô Quang T	13.550.000	188.500.000	107.670.00 0	138.000.00 0	447.720.000
27	Chi phí khác phục vụ tổ chức tang lễ 26 người tử nạn					91.925.000
	Tổng cộng					12.952.666.791

(Bảng chữ : Mười hai tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng)./.

Sau khi nhận hỗ trợ, có 22 gia đình nạn nhân không nhất trí với việc hỗ trợ của Công ty nên đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần và một số khoản tiền khác. Nay quan điểm của Công ty như sau:

Các nạn nhân trong vụ nổ đều có ký H đồng lao động với Công ty nên sau khi xảy ra vụ nổ, Công ty đã phối H với các cơ quan liên quan giải quyết và chi trả đầy đủ các chế độ theo quy định của Luật bảo hiểm.

T bộ các khoản tiền mà gia đình các nạn nhân đã nhận là tiền của các cá nhân, tổ chức hỗ trợ, ủng hộ nH máy để nH máy khắc phục hậu quả vụ nổ và hỗ trợ cho gia đình các nạn nhân chứ không phải là tiền của các cá nhân, tổ chức phúng viếng, thăm hỏi riêng cho các nạn nhân.

Đối với các khoản tiền theo biên bản điều tra số 2460/BB - ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng CQ là khoản tiền của nH nước chi trả khắc phục T bộ hậu quả của vụ nổ chứ không phải là khoản tiền chi để bồi thường, hỗ trợ riêng cho gia đình các nạn nhân bị tử nạn.

Trong bản điều tra không có khoản tiền hỗ trợ tổn thất tinh thần cho gia đình các nạn nhân nên Công ty 21 không chi trả. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Ngoài các khoản tiền chi trả trên, Công ty còn ưu tiên nhận một số thân nhân của các tử nạn vào là việc tại Công ty và trợ cấp cho một số con của các tử nạn chưa T niên mỗi tháng mỗi cháu 01 tháng lương tối thiểu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

T bộ các tài liệu, chứng cứ cho việc chi trả, hỗ trợ cho các tử nạn nH máy đã cung cấp đầy đủ cho tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lương K trình bày:

Về nội D vụ án, ông đồng ý với T bộ ý kiến của ông H Trung T - Đại diện cho Công ty hóa chất 21, ông không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đối với các khoản tiền đã ghi trong bản kết luận điều tra số 2460/ BB - ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng C- Bộ Q là T bộ các khoản tiền để chi trả khắc phục hậu quả sau vụ nổ chứ không phải là khoản tiền chi trả hỗ trợ, bồi thường cho riêng cho 26 gia đình nạn nhân.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021
Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

Căn cứ vào điều 591 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào điểm d khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận T bộ nội D khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Mai Thị M, bà Ngô Thị C, bà Hoàng Thị T, bà Vi Thị L, bà Ngô Thị Kim O ,ông Bạch T N, bà Đặng Thị M, bà Vũ Thị Bình M, bà Phí Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà

H Thị H, bà Bùi Thị D, bà Mai Thị T, bà H Thị M, ông Nguyễn Xuân M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Đình T, anh Nguyễn Long K, người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị V, người được bà V ủy quyền là ông Nguyễn Xuân T, bà Vũ Thị T Người được bà T ủy quyền là bà Bùi Thị H, ông Trương Văn T người được ông T ủy quyền là ông Hoàng Văn C và ông Nguyễn Văn G (Do ông **Phạm Đức T** - Luật sư Tộc Công ty Luật TNHH A - Đoàn luật sư T phố H đại diện theo ủy quyền) về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV hóa chất 121 - Tổng Cquốc - Bộ Q bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 3/5/2021, Ông **Phạm Đức T** - Luật sư Tộc Công ty Luật TNHH A - Đoàn luật sư T phố H là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn kháng cáo T bộ nội D bản án, với nội D: về tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, về nội D giải quyết chưa được hội đồng xét xử làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của các đương sự và Người đại diện theo ủy quyền Phạm Đức T đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp Hnh đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D kháng cáo: Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo Bộ luật dân sự là không có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Đức T là đại diện theo ủy quyền của 22 Nguyên đơn đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị

xã P trong hạn luật định, H lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội D :

Ngày 12/10/2013 tại phân xưởng pháo hoa của Công ty Z121 đã xảy ra vụ nổ dẫn đến 26 công nhân và người lao động tử nạn. Quá trình giải quyết đại diện thân nhân của 22 người tử nạn có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án:

- Buộc Công ty 21 phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình các nạn nhân mỗi gia đình 100 tháng lương cơ bản theo mức lương quy định hiện Hnh.

- Buộc Công ty 21 phải bồi thường theo biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng CQ (Sau khi đã trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân đã được nhận).

- Làm rõ nội D khoản tiền của các tổ chức, cá nhân phúng viếng các nạn nhân là tiền hỗ trợ cho Công ty Hkhắc phục vụ nổ hay là tiền hỗ trợ trực tiếp cho gia đình các nạn nhân.

Như vậy, cần xác định sự kiện pháp lý trong vụ việc là tai nạn lao động theo quy định điều 2, khoản 8 Điều 3 của Luật Vệ sinh an T lao động nên pháp luật điều chỉnh chế độ tai nạn lao động được thực hiện theo Bộ luật lao động; Luật An T vệ sinh lao động 2015; Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị quyết 86/2019/QH14; Nghị định 39/2016/NĐ-CP; Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH.

Theo đó, khi xảy ra tai nạn lao động chết người thì thân nhân của họ được hưởng những chế độ theo quy định của Bộ luật lao động tại mục 2 chương IX các Điều 144, 145 và văn bản hướng dẫn thi Hnh cũng như các luật khác có liên quan. Căn cứ điều 584, Điều 156 Bộ luật Dân sự quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho thấy yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường tổn thất tinh thần theo Bộ luật dân sự là không phù H với quy định bởi chế độ tai nạn lao động đã được pháp luật về lao động điều chỉnh nên không áp dụng quy định của BLDS. Mặc dù 22 đồng nguyên đơn lại khởi kiện yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của BLDS, Tòa án vẫn phải căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 6 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 thì tòa án vẫn phải thụ lý giải quyết đúng quy định.

Tuy nhiên, ngoài yêu cầu này các nguyên đơn còn hai yêu cầu: buộc Công ty 21 phải bồi thường theo biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng CQ (Sau khi đã trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân đã

được nhận).

- Làm rõ nội D khoản tiền của các tổ chức, cá nhân phúng viếng các nạn nhân là tiền hỗ trợ cho Công ty Hkhắc phục vụ nổ hay là tiền hỗ trợ trực tiếp cho gia đình các nạn nhân. Nhận thấy:

[2.1] Về việc xác định người tham gia tố tụng:

Trong vụ án này cần xác định Hng thừa kế thứ nhất của người tử nạn là những người được quyền đề nghị yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: quá trình giải quyết ông Phạm Đức T có cung cấp danh sách những người có yêu cầu khởi kiện, và các giấy cử người khởi kiện, giấy ủy quyền. Tại các giấy cử người khởi kiện, giấy ủy quyền của những người được xác định Hng thừa kế thứ nhất thể hiện phạm vi: nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng. Sau đó những người được cử, ủy quyền này đã ủy quyền lại cho ông Phạm Đức T. Như vậy, cho thấy trong phạm vi cử, ủy quyền không thể hiện người được ủy quyền được quyền ủy quyền lại cho người khác. Việc Người được cử, ủy quyền ký đơn khởi kiện đã ủy quyền lại cho ông T là vượt quá phạm vi ủy quyền. Bên cạnh đó về mặt pháp lý Tòa án cấp sơ thẩm chưa T thập làm rõ họ đúng là những người Tộc Hng thừa kế thứ nhất hay không.

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2019 (BL 322) phần người khởi kiện thể hiện danh sách có 22 người khởi kiện, tuy nhiên phần danh sách người khởi kiện ký đơn khởi kiện lại có 23 người. Trong trường H này Tòa án cũng không thực hiện yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện và xác định ai là người được quyền khởi kiện. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm xác định đưa 22 người tham gia tố tụng với tư cách Nguyên đơn mà không làm rõ còn 01 người ký đơn khởi kiện đã rút đơn hay vì lý do nào khác.

Tại giấy ủy quyền ngày 9/3/2020 (BL 403), 22 người gồm các ông, bà: Mai Thị M, Ngô Thị C, Hoàng Thị T, Vi Thị L, Ngô Thị Kim O, Bạch T N, Đặng Thị M, Vũ Thị Bình M, Phí Thị S, Nguyễn Thị L, H Thị H, Bùi Thị D, Mai Thị T, H Thị M, Nguyễn Xuân M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân T, Bùi Thị H Sinh, Hoàng Văn C, Vũ Thị L ký ủy quyền cho Công ty luật TNHH A.

Tại Đơn mời luật sư ngày 28/11/2018, 19 người gồm các ông bà: ông Nguyễn Văn T, Hoàng Văn C, Bạch T N, Nguyễn Xuân M, Trần Văn T, Ngô Thị Kim O, Mai Thị M, Phí Thị Sinh, Nguyễn Thị L, Phạm thị Bích T, Vi Thị L, Nguyễn Xuân

T, Phan Văn B, Bùi Thị D, Hoàng Thị T, Đặng Thị M, Nguyễn Thị T, Mai Thị Hu, H Thị H đã đề nghị Công ty luật TNHH A cử luật sư bảo vệ quyền và lợi ích H pháp cho các gia đình cùng các nội D khác.

Theo đó, tại giấy G thiệu ngày 4/2/2020 và Quyết định số 03 ngày 4/2/2020, xác định Công ty luật TNHH A đã ra quyết định cử luật sư Tạ Văn Tú và Luật sư Phạm Đức T tham gia bảo vệ quyền và lợi ích H pháp cho các gia đình có người tử nạn. Như vậy, ông Phạm Đức T trong vụ án này tham gia tố tụng với hai tư cách đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của đương sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác nhận, thông báo người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp theo quy định tại điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông T, ông Tú mà chỉ xác định đưa ông Phạm Đức T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là xác định thiếu tư cách tố tụng và thiếu người tham gia tố tụng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho thấy, các đương sự Tộc Hng thừa kế thứ nhất của các các nạn nhận tử nạn có cử, ủy quyền cho một người đại diện. Tuy nhiên trong nội D cử, ủy quyền không thể hiện phạm vi những Người này quyền có được ủy quyền lại cho ông Phạm Đức T hay không. Do vậy, việc xác định ông T là đại diện theo ủy quyền là chưa H pháp.

[2.2] Về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Căn cứ vào biên bản phiên tòa ngày 22/4/2021 thể hiện trong phần tranh tụng, Hội đồng xét xử đã không thực hiện cho các đương sự được thực hiện quyền hỏi là vi phạm các điều 249, điều 250, điều 251, điều 252 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy đại diện theo ủy quyền kháng cáo nội D này là có cơ sở.

[2.3] Về T thập, đánh giá các tài liệu chứng cứ:

Về xác định chứng cứ cấp sơ thẩm không tuân thủ quy định tại khoản 1 điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự: gần hết tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều là bản photo không có chứng thực hoặc có xác nhận đã đối chiếu của Thẩm phán thậm trí không có chữ ký (*từ BL 01 đến BL 26, BL 430-440*)

Về đánh giá chứng cứ: các đương sự yêu cầu tòa buộc Công ty 21 phải bồi thường theo biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng CQ (Sau khi đã trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân đã được nhận) và làm rõ nội D khoản tiền của các tổ chức, cá nhân phúng viếng các nạn nhân là tiền hỗ trợ cho Công ty Hkhắc phục vụ nổ hay là tiền hỗ trợ trực tiếp cho gia đình các

nạn nhân vì họ cho rằng số tiền thực tế được nhận không phù H với số tiền công ty đã bồi thường. Tại tòa án cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng số tiền hỗ trợ và chi trả cho thân nhân người tử nạn là nguồn tài chính của NH máy tự T xếp và tiếp nhận nguồn hỗ trợ kinh phí từ các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài quân đội. Trong giấy thống kê nhận tiền cũng thể hiện tiền này gồm rất nhiều khoản tiền ghi của các cá nhân, đơn vị tổ chức khác. Lẽ ra, Tòa cấp sơ thẩm cần làm rõ khoản tiền nào ủng hộ cho các nạn nhân, khoản tiền nào ủng hộ cho NH máy. Tại cấp phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn nộp bổ sung những vở phong bì ghi kính viếng thể hiện việc kính viếng cá nhân những người tử nạn là có cơ sở. Theo đó cho thấy, cấp sơ thẩm đã không làm rõ khoản tiền ủng hộ cho ai và đánh giá lỗi... cho rằng T bộ các khoản tiền do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ là hỗ trợ cho Công ty để dùng vào việc khắc phục hậu quả của vụ nổ chứ không phải là tiền phúng viếng, hỗ trợ riêng cho từng cá nhân người tử nạn và Công ty 21 đã hỗ trợ vượt quá số tiền theo quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường tổn thất về tinh thần là chưa đánh giá khách quan, T diện và phù H với các quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích ở mục [2] cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, T thập chứng cứ chưa đầy đủ cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, mặt khác còn có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích H pháp của đương sự, nên yêu cầu kháng cáo của đương sự là có cơ sở. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là chưa có căn cứ. Cần hủy T bộ bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân thị xã P để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Hủy Toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân thị xã P.

Giao lại toàn bộ Hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- TAND thị xã P;
- THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương